

Tiết 23: Tiếng Việt

Ngày dạy:/...../10

Ngày soạn:...../...../10

LUẬT THƠ**A. Mục tiêu:**

Giúp HS:

- Nắm được những nội dung cơ bản về luật thơ của những thể thơ tiêu biểu.
- Có kĩ năng phân tích những biểu hiện của luật thơ ở một bài thơ cụ thể.

B. Phương pháp - phương tiện:1. Phương pháp:

Phát vấn, phân tích ví dụ để rút ra lí thuyết.

2. Phương tiện:

GV: Giáo án.

HS: Phần chuẩn bị bài, sgk.

C. Tiến trình bài dạy:**Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
HD1: HdHS tìm hiểu khái quát về luật thơ. TT1: GV nêu câu hỏi: <i>Em hãy xác định thể thơ của những bài thơ sau: “Trương tư”, “Bài ca phong cảnh Hương Sơn”, “Cảnh khuya”, “Tự tình”, “Tây Tiến”?</i> HS: Suy nghĩ, phát biểu GV: Nhận xét, khẳng định đáp án, dẫn dắt HS đi khái niệm về luật thơ . TT2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu vai trò của “tiếng” trong luật thơ.	I. Khái quát về luật thơ 1. <u>Khái niệm</u>: Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp... trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định. * Các thể thơ chính: a. Thể thơ dân tộc: Lục bát, Song thất lục bát, Hát nói. b. Thể thơ Đường luật: Ngũ ngôn, Thất ngôn (tứ tuyệt và bát cú). c. Thể thơ hiện đại: Hỗn hợp, Tự do, Thơ văn xuôi... 2. <u>Tiếng</u> – đơn vị cơ bản trong luật thơ. a. Tiếng – căn cứ để xác lập luật thơ. Vd: Thơ lục bát gồm câu 6 tiếng và câu 8 tiếng. b. Tiếng gồm 3 phần: Phụ âm đầu + vần + thanh - Vần là phần được lặp lại để liên kết dòng trước với dòng sau. Vd: <i>Trong đầm gì đẹp bằng sen</i> <i>Lá xanh bông trắng lại chen</i>	

HD2: Tìm hiểu một số thể thơ truyền thống. GV chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm được phát một bài, đoạn thơ, GV yêu cầu HS xác định số tiếng, nhịp, vần, thanh của bài thơ. TT1: GV viết vd lên bảng, yêu cầu nhóm có đoạn thơ tương ứng với thể thơ lục bát xác định số tiếng, nhịp, vần, thanh. HS: Sau khi đã thảo luận, đại diện nhóm phát biểu. GV: Nhận xét chung, chốt: TT2: GV viết vd lên bảng, yêu cầu	<i>nhị vàng.</i> - Vị trí hiệp vần là yếu tố quan trọng để xác định luật thơ. Vd: <i>Đã bấy lâu nay bác tới nhà</i> <i>Trẻ thời đi vắng chợ trời xa.</i> c. Mỗi tiếng đều có một trong sáu thanh điệu: - Thanh trắc: Sắc, nặng, hỏi, ngã. - Thanh bằng: Huyền, không. d. Tiếng là căn cứ để ngắt nhịp trong thơ. Vd: - Thơ lục bát: <i>Yêu nhau /cởi áo /cho nhau →</i> nhịp chẵn. - Thơ thất ngôn: <i>Trời thu xanh ngắt/mấy tầng cao →</i> nhịp lẻ. II. Một số thể thơ truyền thống 1. <u>Thể thơ lục bát</u> Vd: <i>Mình về mình có nhớ ta</i> <i>Ta về năm ấy thiết tha mặn nồng</i> <i>Mình về mình có nhớ không?</i> <i>Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ</i> <i>nguồn.</i> - Số tiếng: Một cặp 2 dòng: + dòng lục: 6 tiếng + dòng bát: 8 tiếng - Vần: Hiệp vần ở tiếng thứ 6 của dòng lục và tiếng thứ 6 của dòng bát, tiếng thứ 8 của dòng bát và tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo. - Nhịp: Nhịp chẵn. - Thanh: + Đối xứng B – T – B ở các tiếng 2 – 4 - 6. + Đối âm vực ở tiếng 6 và 8 ở dòng bát.	
---	---	--

nhóm có đoạn thơ tương ứng với thể thơ song thất lục bát xác định số tiếng, nhịp, vần, thanh.

HS: Sau khi đã thảo luận, đại diện nhóm phát biểu.

GV: Nhân xét chung, chốt:

TT3: GV hướng dẫn HS tìm hiểu thể thơ ngũ ngôn.

TT4: GV viết vd lên bảng, yêu cầu nhóm có đoạn thơ tương ứng với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt xác định số tiếng, nhịp, vần, thanh.

HS: Sau khi đã thảo luận, đại diện nhóm phát biểu.

GV: Nhân xét chung, chốt:

2. Thẻ song thất lục bát

Vd: Cùng trông lại/ mà cùng chẳng thấy

*Thấy xanh xanh/ những mấy ngàn
dâu*

Ngàn dâu/ xanh ngắt/ một màu

Lòng chàng/ ý thiếp/ ai sâu hơn ai.

- Số tiếng:

+ Cặp song thất: 7 tiếng.

+ Cặp lục bát: 6 và 8 tiếng.

- Hiệp vần ở mỗi cặp:

+ Cặp song thất: vần trắc.

+ Cặp lục bát: Vần bằng.

+ Giữa các cặp song thất và lục

bát có vắn liền.

- Nhíp: + Song thất: nhíp lẻ.

+ Lục bát: nhịp chẵn.

- Thanh:

+ Cặp song thất không bắt buộc.

+ Cặp lục bát như thơ lục bát.

3. Các thể ngũ ngôn Đường luật

- Ngũ ngôn tứ tuyệt: 5 tiếng, 4 dòng.

- Ngũ ngôn bát cú: 5 tiếng, 8 dòng.

Vd: Bài thơ “Mặt trăng” – sgk

- Vần: Độc vận, gián cách, vần chân.

- Nhíp: Nhíp lẻ.

- Thanh: Luân phiên B – T ở tiếng thứ 2 - 4. Cùng thanh ở các niêm.

4. Các thể thơ thất ngôn Đường luật

a. Thất ngôn tứ tuyệt

Vd:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lòng cổ thu bóng lòng hoa

Cảnh khuya như vẽ, người chưa

*ngu*²

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

- Số tiếng: 7 tiếng, 4 dòng.

- Vân: Chân, độc vận, gián cách.

- Nhịp: Nhịp lẻ.

- Thanh: Các tiếng 2 – 4 – 6:

T-B-T

*** Dặn dò:**

- Bài cũ:

+ Nắm luật thơ của các thể thơ .

+ Làm tiếp bài tập 1b – sgk.

+ Tìm thêm một số bài thơ thuộc các thể thơ hiện đại để so sánh với các thể thơ truyền thống.

- Bài mới: Trả bài số hai

+ Đọc lại đề bài số hai, lập dàn ý lại cho đề bài.